TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PÁC NẶM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS - ST
Ngày 26/11/2019
"V/v: Tranh chấp tài sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Hồng Thái**

Bà **Chu Thị Thi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Triệu Giang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Xuân Trìu**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 31/5/2019 về việc "Tranh chấp tài sản trên đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nông Thị Đ

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

* Đồng bị đơn: Bà Nông Thị C; ông Nông Văn H; anh Nông Văn T

Đều trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Đều vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2019, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nông Thị Đ trình bày:

Năm 2017 bà khởi kiện bà Nông Thị C trú cùng thôn về việc yêu cầu bà C trả cho bà quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 1.471m^2 nằm trong thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tờ bản đồ, địa chỉ thôn Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 đã giải quyết buộc bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải trả cho bà quyền sử dụng đối với diện tích đất 1.471m^2 nằm trong thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tờ bản đồ, địa chỉ thôn Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Theo sơ đồ thửa đất đã xem xét thẩm định ngày 22/3/2017 thì diện tích đất này có các cạnh tiếp giáp như sau.

Phía Bắc tiếp giáp với đất của bà Nông Thị C có các điểm từ điểm 1 đến đểm 2 dài 23m; từ điểm 2 đến điểm 3 dài 10m; từ điểm 3 đến điểm 4 dài 24m

Phía Đông tiếp giáp với đất của bà Nông Thị C, có các điểm từ điểm 4 đến điểm 5 dài 11m; từ điểm 5 đến điểm 6 dài 29m; từ điểm 6 đến điểm 7 dài 15m; từ điểm 7 đến điểm 8 dài 22,5m.

Phía Nam giáp đất của bà La Thị T dài 19m

Phía tây giáp đất bà Nông Thị C dài 53,5m

Trên diện tích đất 1.471m^2 mà bà đã được công nhận quyền sử dụng đất tại Bản án số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án tỉnh Bắc Kạn và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 41/2018/QĐĐC-PT ngày 05/02/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có cây Xoan to của bà trồng từ năm 2010, một số cây Xoan nhỏ là do hạt của cây to rụng tự mọc và có khoảng hơn 50 cây Mỡ do gia đình bà Nông Thị C trồng năm 2016. Từ khi Tòa án tỉnh giải quyết xong đến nay gia đình bà C không đồng ý với bản án, bà C vẫn cho rằng diện tích đất 1.471m^2 và toàn bộ số cây Xoan và cây Mỡ trên đất đã được giải quyết là của gia đình bà C, bà C thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà mỗi khi bà lên sử dụng đất. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà C, ông H, anh T phải chặt bỏ, hoặc di dời số cây Mỡ để bà lấy đất canh tác và công nhận quyền sử hữu về tài sản đối với toàn bộ số cây Xoan là của bà.

Trong bản tự khai bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H trình bày: Vợ chồng bà có mảnh đất tại đồi P diện tích 22.463m^2 từ đời ông cụ đã quản lý và sử dụng, một phần trồng cây Mai, một phần trồng cây hoa màu khác, năm 1996 gia đình bà đã đăng ký nhận đất lâm nghiệp đợt đầu và được cấp sổ bìa xanh, gia đình bà đã quản lý khu đồi và giữ sổ bìa xanh được vài năm thì Nhà nước thu hồi, đến ngày 21/02/1998 thôn có cuộc họp triển khai danh sách cho hộ gia đình nhận đất lâm nghiệp, gia đình bà tiếp tục nhận đất lâm nghiệp tại đồi P và đã được Nhà nước cấp sổ bìa đỏ theo đúng thủ tục, không có ai tranh chấp. Sau khi giải thể khoán mười gia đình bà Đ di cư từ B, xã C về sinh sống cùng thôn, bà Đ thiếu đất canh tác nên đã lên rừng của gia đình bà khoanh nuôi, xâm canh, phá rừng làm nương, năm 2010 bà Đ cố tình lên phá, lấn chiếm các vùng lân cận để trồng cây

Sắn, gia đình bà đã lên nói với bà Đ là chỉ cho bà Đ ăn hoa màu theo thời vụ và phải trả lại đất cho gia đình bà. Năm 2015 sau khi gia đình bà Đ thu hoạch cây Sắn xong gia đình bà đã lên phát để trồng cây thì bà Đ lên chửi bới xúc phạm gia đình bà, sau khi phát xong gia đình bà đã trồng cây Lát nhưng bà Đ đã nhổ đi 30 cây và trồng cây Sắn lên, gia đình bà đã đề nghị và được Ủy ban nhân dân xã hòa giải ngày 06/3/2016. Khi bà Đ lên phát rừng chiếm đất đã chặt hai cây xoan to để bán và chặt phá nhiều cây tự nhiên. Nay bà Đ lấn chiếm đất đai và tài sản trên đất thì bà C, ông H không đồng ý.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 16/10/2019 đối với tài sản trên diện tích đất 1.471m^2 có kết quả như sau:

Cây Xoan: Tổng số 63 cây đứng, trong đó

Cây có đường kính thân từ 10cm đến < 20cm: 22 cây

Cây có đường kính thân từ 20cm đến < 30cm: 30 cây

Cây có đường kính thân từ 30cm trở lên: 11 cây

Cây Mỡ: Tổng số 58 cây đứng có đường kính thân từ 02cm đến dưới 05cm

Cả hai loại cây trên đang là cây đứng

Tại thông báo số 280/TB-HĐĐG ngày 21/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 63 cây Xoan có giá là 4.868.000^đ; 58 cây Mỡ có giá là 1.276.000^đ

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì bị đơn không đến các phiên hòa giải. Do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn không thay đổi yêu cầu. Tại phần tranh luận nguyên đơn vẫn giữ quan điểm.

Tại phiên tòa xét xử do các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H vắng mặt lần hai không lý do. Do vậy Hội đồng xét xử không có đánh giá lời khai tại phiên tòa. Đối với anh Nông Văn T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ, không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại hai phiên tòa sơ thẩm anh T đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án không thể ghi nhận được lời khai của anh T. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sở hữu 63 cây Xoan cho bà Nông Thị Đ; buộc các bị đơn di dời, chặt bỏ hoặc có phương án khác đối với 58 cây Mỡ do các bị đơn trồng trên đất để đảm bảo quyền sử dụng đất cho bà Đ; các bị đơn phải chịu tiền chi phí định giá tài sản và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của Thẩm phán và các đương sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72, 227 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 221, 222, 235 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Đ.

Bà Nông Thị Đ có quyền sở hữu về tài sản đối với 63 cây Xoan trên diện tích đất 1.471m^2

Giao cho bà Nông Thị Đ có quyền sở hữu về tài sản đối với 58 cây Mỡ trên diện tích đất 1.471m^2.

Bà Nông Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nông Thị Ch, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T tổng số tiền là 1.276.000^đ (Một triệu hai trăm bảy sáu nghìn đồng).

Các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải chịu chung tiền định giá tài sản và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự tranh chấp tài sản trên đất giữa nguyên đơn bà Nông Thị Đ với các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T. Cả nguyên đơn và các bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện P, căn cứ theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết buộc bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải trả cho bà Nông Thị Đ quyền sử dụng đối với diện tích đất 1.471m^2 nằm trong thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tờ bản đồ, địa chỉ thôn Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Theo sơ đồ thửa đất đã xem xét thẩm định ngày 22/3/2017 thì diện tích đất này có các cạnh tiếp giáp như sau.

Phía Bắc tiếp giáp với đất của bà Nông Thị C có các điểm từ điểm 1 đến đểm 2 dài 23m; từ điểm 2 đến điểm 3 dài 10m; từ điểm 3 đến điểm 4 dài 24m

Phía Đông tiếp giáp với đất của bà Nông Thị C, có các điểm từ điểm 4 đến điểm 5 dài 11m; từ điểm 5 đến điểm 6 dài 29m; từ điểm 6 đến điểm 7 dài 15m; từ điểm 7 đến điểm 8 dài 22,5m.

Phía Nam giáp đất của bà La Thị T dài 19m

Phía tây giáp đất bà Nông Thị C dài 53,5m

Bản án số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn bị bà Nông Thị C kháng cáo. Ngày 05/02/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 41/2018/QĐĐC-PT vì bà C được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 28/8/2017 bà Đ đưa ra yêu cầu di dời cây trên đất tranh chấp vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn không xem xét giải quyết, các đương sự tự thỏa thuận giải quyết, nếu có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác. Khi bản án số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn có hiệu lực pháp luật thì giữa bà Đ và gia đình bà C không thỏa thuận được việc giải quyết cây cối trên đất nên dẫn đến tranh chấp. Hiện nay trên diện tích đất 1.471m^2 đã được Tòa án tỉnh công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ có 63 cây Xoan mà cả hai bên đều cho rằng là của mình và có 58 cây Mỡ do gia đình bà chấp trồng năm 2016, sau khi bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn có hiệu lực, bà Đ chưa được sử dụng đất vì giữa bà Đ với bà C, ông H, anh T còn có tranh chấp về tài sản là cây Xoan trên diện tích đất 1.471m^2 đã được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà C, ông H, anh T phải chặt bỏ, hoặc di dời số cây Mỡ để bà lấy đất canh tác và công nhận quyền sử hữu về tài sản đối với 63 cây Xoan là của bà.

Hội đồng xét xử xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất và tài sản trên đất: Diện tích đất 1.471m^2 nằm trong thửa đất số 68, tờ bản đồ số 02 tờ bản đồ, địa chỉ Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn công nhận quyền sử dụng đất là của bà Nông Thị Đ tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017.

Xem xét về quá trình hình thành tài sản trên đất:

Đối với 63 cây Xoan: Hội đồng xét xử nhận định 63 cây Xoan có đường kính thân từ 10cm trở lên do bà Đ trồng và tự mọc là có cơ sở. Bởi lẽ năm 2009 bà Đ đã được khai thác cây Xoan đã trồng trước đó không có ai cản trở hoặc tranh chấp, sau khi khai thác thì năm 2010 bà đã trồng lại số cây Xoan mà hiện nay đường kính thân to từ 30cm trở lên, còn các cây Xoan nhỏ hơn có đường kính thân từ 10cm đến dưới 30cm là do tự mọc từ hạt rơi của các cây to. Hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất bà C đã thừa nhận các cây Xoan không phải do bà C trồng mà cho rằng các cây xoan trên diện tích đất tranh chấp do mọc tự nhiên từ hạt rơi xuống. Tại biên bản hòa giải ngày 05/9/2019 bà C xác nhận trước năm 2015 bà đã trồng cây Lát và cây Mỡ nhưng bà Đ đã nhổ hết cây Lát chỉ còn cây Mỡ và cây Xoan, bà C cho rằng cây Xoan là mọc tự nhiên và được bà trồng trước khi trồng cây Mỡ, tuy nhiên việc bà trồng cây Xoan thì bà không có chứng cứ để chứng minh.

Đối với 58 cây Mỡ: Hội đồng xét xử nhận định 58 cây Mỡ có đường kính thân từ 02cm đến dưới 05cm của bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T trồng là có cơ sở, bởi lẽ: Việc 58 cây Mỡ này đã được nguyên đơn bà Nông Thị Đ xác nhận và tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn cũng đã xác định số cây Mỡ là do bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T trồng năm 2016.

Hội đồng xét xử xem xét việc bà Nông Thị C không đồng ý với yêu cầu của bà Đ vì cho rằng diện tích đất 1.471m^2 và số cây Xoan và cây Mỡ là của bà C. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất bà C đã thừa nhận các cây Xoan không phải do bà C trồng mà cho rằng các cây xoan trên diện tích đất tranh chấp do mọc tự nhiên từ hạt rơi xuống, tại biên bản hòa giải ngày 05/9/2019 bà C xác nhận trước năm 2015 bà đã trồng cây Lát và cây Mỡ nhưng bà Đ đã nhổ hết cây Lát chỉ còn cây Mỡ và cây Xoan, bà C cho rằng cây Xoan là mọc tự nhiên và được bà trồng trước khi trồng cây Mỡ, tuy nhiên việc bà trồng cây Xoan thì bà C không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào để chứng minh, do vậy việc bà C cho rằng số cây Xoan trên đất là của bà là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Khi xem xét quyết định yêu cầu của bà Nông Thị Đ, Hội đồng xét xử đánh giá số cây Mỡ hiện nay còn nhỏ chưa đến tuổi khai thác, nếu phải chặt bỏ thì sẽ gây thiệt hại về tài sản cho gia đình bà Nông Thị C, do vậy Hội đồng xét xử xem xét giao cho bà Nông Thị Đ quyền sở hữu tài sản đối với 58 cây Mỡ và bà Đ có trách nhiệm trả cho bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T số tiền cây theo kết luận định giá tài sản là 1.276.000^đ (Một triệu hai trăm bảy sáu nghìn đồng).

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Đ là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Đánh giá quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị công nhận quyền sở hữu 63 cây Xoan cho bà Nông Thị Đ và buộc các bị đơn di dời, chặt bỏ hoặc có phương án khác đối với 58 cây Mỡ do các bị đơn trồng trên đất để đảm bảo quyền sử dụng đất cho bà Đ; các bị đơn phải chịu tiền chi phí định giá tài sản và tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đánh giá quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự: Các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải chịu chung tiền định giá tài sản là 3.000.000^đ (Ba triệu đồng). Nguyên đơn bà Nông Thị Đ đã nộp tạm ứng 3.000.000^đ (Ba triệu đồng), do vậy các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông

Văn H và anh Nông Văn T phải hoàn trả cho bà Nông Thị C số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nông Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ Điều 158, 166, 221, 222, 235 BLDS năm 2015

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị Đ

2. Bà Nông Thị Đ có quyền sở hữu về tài sản đối với 63 cây Xoan và 58 cây Mỡ trên diện tích đất 1.471m^2 nằm trong thửa đất số 68, tờ bản đồ số 2 tại thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn mà bà Nông Thị Đ đã được sử dụng đất theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Diện tích đất 1.471m^2 có các cạnh tiếp giáp như sau:

Phía Bắc tiếp giáp với đất của bà Nông Thị C có các điểm từ điểm 1 đến đểm 2 dài 23m; từ điểm 2 đến điểm 3 dài 10m; từ điểm 3 đến điểm 4 dài 24m

Phía Đông tiếp giáp với đất của bà Nông Thị C, có các điểm từ điểm 4 đến điểm 5 dài 11m; từ điểm 5 đến điểm 6 dài 29m; từ điểm 6 đến điểm 7 dài 15m; từ điểm 7 đến điểm 8 dài 22,5m.

Phía Nam giáp đất của bà La Thị T dài 19m

Phía tây giáp đất bà Nông Thị C dài 53,5m

Bà Nông Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T tổng số tiền là 1.276.000đ (Một triệu hai trăm bảy sáu nghìn đồng).

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nông Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00918 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí định giá tài sản: Các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải chịu chi phí định giá tài sản 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Nguyên đơn bà Nông Thị Đ đã nộp tạm ứng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), do vậy các bị đơn bà Nông Thị C, ông Nông Văn H và anh Nông Văn T phải hoàn trả cho bà Nông Thị Đ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Trong đó bà Nông Thị C phải trả 1.000.000đ (Một triệu đồng); ông Nông Văn C phải trả 1.000.000đ (Một triệu đồng); anh Nông Văn T phải trả 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Việc thi hành án dân sự số tiền chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- UBND xã Cao Tân. (01b)
- Người bảo vệ Q&LIHP (01b)
- Các đương sự. (04b)
- Lưu hs; lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thanh Tuấn